TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 09/11/2022
V/v tranh chấp: "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Bà Lâm Ngọc Tuyền

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 132/2022/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 232/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: ấp BKII, xã BTN, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn: Luật sư Dương Thị Kim L thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: ấp TN, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị H tự tìm tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã BPN, huyện GC, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 28/4/2017. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng quan điểm. Anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 6/2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 11/02/2018. Con chung hiện nay chung sống với anh và do anh nuôi dưỡng. Do đó, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Bị đơn chị Lê Thị Mỹ H trình bày:* Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân vào ngày 28/4/2017 và được Ủy ban nhân dân xã BPN, huyện CG, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 28/4/2017. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không quan tâm vợ con, không chăm lo cho gia đình, bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã ly thân với nhau tháng 11/2021 đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh T chị có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 11/02/2018, con chung trước nay sinh sống cùng chị và anh T tại nhà của anh T. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung do hiện tại con còn nhỏ, gần đây chị đi thăm con thấy ốm yếu có lần thì anh T và gia đình không cho chị thăm con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có;

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 132/2022/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Mỹ H.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 11/02/2018. Chị Lê Thị Mỹ H không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Hiếu N cho chị Lê Thị Mỹ H khi án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 25/7/2022, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo một phần bản án Hôn nhân sơ thẩm về con chung. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao cháu Nguyễn Hiếu N cho anh nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án giao cháu Nguyễn Hiếu N cho anh nuôi dưỡng. Chị H không đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh T. Hai bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn trình bày: Anh T có điều kiện nuôi con tốt hơn chị H. Anh T làm việc 8 tiếng/ngày, anh là con trai một, cháu N sống với anh từ nhỏ và phát triển tốt. Cháu N đã trên 3 tuổi nên phải xem xét đến điều kiện nuôi con. Anh T cũng đảm bảo nếu anh T được nuôi con thì anh và gia đình sẽ tạo điều kiện để chị H đến thăm con. Trong bản xác nhận của trường học cũng thể hiện anh T là người trực tiếp đưa rước cháu hàng ngày đi học. Chị H không biết con có đi học hay không. Chứng tỏ chị H không quan tâm đến con. Ngoài con chung chị H còn có con riêng nên khả năng chăm sóc con sẽ không tốt như anh T. Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giao cháu N cho anh nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về nội dung kháng cáo: Anh T kháng cáo yêu cầu giao cháu Nguyễn Hiếu N cho anh nuôi dưỡng là không có cơ sở. Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Lê Thị Mỹ H. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "*xin ly hôn*" là đúng theo quy định tại các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, bị đơn chị Lê Thị Mỹ H là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Sau khi tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bên không kháng cáo về hôn nhân chỉ kháng cáo về nuôi con. Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh T và chị H trình bày thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 11/02/2018 hiện đang sống cùng anh T. Khi ly hôn, anh T và chị H

đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, về điều kiện nuôi con thì anh T, chị H đều có công việc thu nhập ổn định, cả hai anh chị đều có thể đảm bảo về điều kiện nuôi con.

Xét về điều kiện chăm sóc, anh T hiện tại làm hồ, chị H kinh doanh buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản tại nhà ở ấp TN, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Ngoài ra, chị còn có thửa đất diện tích 511,1m^2 tại ấp HT, xã BN, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang. Mặc khác, từ khi cháu N sinh ra sinh sống cùng chị H và T tại nhà cha mẹ ruột của anh T, thời gian này con chung do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, khi chị H về nhà mẹ ruột sinh sống có dẫn theo cháu N nhưng sau đó anh T rước cháu về. Xét thấy, về điều kiện nuôi con, chị H buôn bán tại nhà nên có thời gian chăm sóc. Mặt khác, con chung trước nay do chị H chăm sóc nên sẽ gần gũi với mẹ hơn. Với những phân tích trên, để đảm bảo cuộc sống của cháu N phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được trực tiếp nuôi cháu N. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Từ những nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử buộc anh T giao cháu Nguyễn Hiếu N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5] Xét ý kiến của Luật sư Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 28,35, 39, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 116 Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điểm a, b, đ khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 132/2022/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

- Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Mỹ H.

- Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 11/02/2018. Chị Lê Thị Mỹ H không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Hiếu N cho chị Lê Thị Mỹ H khi án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn T thỏa thuận chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006614 ngày 17/01/2022 và 300.000 đồng theo biên lai số 0006899 ngày 25/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã GC. Như vậy, anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã Gò Công;
- CCTHADS thị xã Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Ngoan